TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/DS - ST
Ngày: 26/9/2025
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đình Anh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phan Nhật Sum**

2/ Bà **Nguyễn Thị Chinh**.

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Nguyễn Thị Nga** - là Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2024/TB-TLVA ngày 29 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Lê Thị D**; sinh năm: 1963; Địa chỉ: thôn K, xã QL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: bà **Nguyễn Thị H**; sinh năm: 1958; Địa chỉ: thôn K, xã QL, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày: Năm 1985, bà cùng chồng là ông Trần Văn Mạnh nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Công Thắng diện tích đất 1.381m² tại thôn Krăngọ 2, xã Ka Đơn (nay là xã Quảng Lập) và sử dụng ổn định cho đến nay. Ngày 10/7/1997, ông Trần Văn Mạnh được UBND huyện Đơn Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K336516 đối với diện tích đất 1.381m² nêu trên. Theo đó, diện tích đất 1.381m² này thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 313A xã Quảng Lập. Năm 2005, ông Trần Văn Mạnh chết. Năm 2013, bà và những người thừa kế của ông Mạnh làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế của ông Mạnh. Theo đó

bà được sử dụng toàn bộ diện tích đất 1.381m² thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 313A xã Ka Đơn, được cập nhật tại trang IV giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/6/2013. Tháng 7/2015, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương cập nhật tại trang IV giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung: "Thửa đất số 78 đủ điều kiện tách thửa cụ thể: Thửa đất số 796 (tách từ thửa 78), diện tích 208 m² (200 m² ONT + 8 m² HNK. Thửa đất số 78 (phần còn lại) diện tích: 1173 m² (200 m² ONT + 979 m² HNK). Theo hồ sơ số 1487 ngày 21/7/2015" MST: 01041. Sau đó, bà chuyển nhượng diện tích đất 1.173 m² thửa đất số 78 tờ bản đồ số 313a xã Ka Đơn cho bà Võ Thị Kim Cúc và được cập nhật tại trang IV giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/11/2015. Bà còn sử dụng diện tích đất 208m^2 thửa đất số 796, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 được xây từ năm 2004. Gia đình bà Nguyễn Thị H đã sinh sống trên thửa đất bên cạnh đất của bà từ lâu, trước đây ranh giới đất của 02 nhà có trồng hàng cây dâm bụt. Khoảng năm 2003, bà H phá bỏ hàng cây dâm bụt, xây dựng tường rào giữa hai thửa đất, lúc này bà nhận thấy bà H đã xây lấn sang đất của bà nên hai bên gia đình phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, do thấy diện tích đất tranh chấp không nhiều, bà muốn giữ tình làng nghĩa xóm nên không tranh chấp với bà H phần tường rào. Năm 2021, bà thuê thợ làm mương thoát nước sát tường rào bà H thì bà H ngăn cản và cho rằng diện tích đất làm mương nước khoảng 12,5 m² (dài 25m, rộng 0,5 m) là của bà H. Bà và bà H không giải quyết được tranh chấp nên bà đã xây một bức tường cao khoảng 1,5 m trên đất của bà để ngăn cách nhà với con mương nhằm hạn chế mùi hôi thối từ con mương. Sự việc được UBND xã Ka Đơn, (nay là UBND xã Quảng Lập) hòa giải tranh chấp đất đai nhưng không thành và bà đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà và bà Nguyễn Thị H về việc buộc bà Nguyễn Thị H chấm dứt hành vi bao chiếm diện tích đất khoảng 12,5 m² (dài khoảng 25m, rộng khoảng 0,5 m) thuộc một phần thửa đất số 796, tờ bản đồ số 313a xã Ka Đơn và công nhận diện tích đất khoảng 12,5 m² (dài khoảng 25m, rộng khoảng 0,5 m) thuộc một phần thửa đất số 796, tờ bản đồ số 313a xã Ka Đơn thuộc quyền sử dụng của bà. Nay, khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành đo đạc và xác định được trong phần đất thuộc con mương hiện trạng đang tranh chấp có diện tích là 21m^2 trong đó có một phần đất thuộc thửa đất 1/796 của bà diện tích 12m^2 và của bà H là 09m^2. Tuy theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà được cấp là 208m^2 nhưng kết quả đo đạc thực tế của bà chỉ có 172m^2 trong đó có 12m^2 đất đang tranh chấp thì bà cũng thống nhất với kết quả đo đạc này. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho bà diện tích đất 12m^2 đang tranh chấp thuộc thửa đất 1/796 tờ bản đồ 313A để bà có quyền quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D vì bà là người được thừa kế từ chồng là ông Nguyễn Tiến V diện tích đất 3.914 m² thuộc bốn thửa đất số 77, 132, 135, 75a. Trong đó, thửa đất số 77

có diện tích 2.788m² liền kề với thửa đất số 78 của bà D. Giữa hai thửa đất có một con mương chung rộng khoảng 01m do cả hai bên thống nhất chừa ra từ năm 2003, mỗi bên chừa lại 0,5m đất mặt tiền của mình để làm mương thoát nước và thống nhất hai bên sẽ tự xây tường rào cao khoảng 1,5m, vẫn để lại phần mương nước chính giữa. Bà xây Tường rào trước và đã chừa lại phần mương còn bà D xây nhà sau đã tự ý xây tường rào vào giữa mương từ vị trí cách đường khoảng 10m đến 20m. Còn phần đất phía sau vẫn giữ nguyên phần mương thoát nước. Bà được biết theo kết quả đo đạc mới nhất của đoàn đo đạc của tỉnh để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất thì thửa đất số 77 của bà so với diện tích đất được cấp đang thiếu 21m². Do vậy, bà thấy mình không chiếm đất của bà D mà ngược lại là bà D đang lấn sang đất bà. Do vậy mà bà không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà D vì con mương này mỗi người chừa ra ½ diện tích thì không có lý do gì bà chỉ còn 09m^2 còn bà D còn lại 12m^2. Theo bà thì trước đây con mương rộng 01m bà D cũng đã làm nhà, xây tường. Theo sơ đồ do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập thì từ sát vách nhà bà D theo hiện trạng cách lộ giới 1,2m đến vách tường xây của bà có tổng chiều rộng đúng 01m (0,4m+0,4m+0,2m). Vậy thì phần mương này phải tính từ vách tường của bà D đến vách bờ rào nhà bà có chiều rộng 01m thì mỗi bên 50cm. Do đó mà phần đất giáp lộ giới của bà không phải có chiều rộng 0,2m mà phải là 0,5m và phía bà D chỉ còn lại 10cm mới đúng. Ngoài ra bà còn cho rằng thửa đất 77 của bà hiện nay vẫn đang thiếu so với giấy chứng nhận QSD đất và chiều rộng mặt tiền thửa đất 77 của bà cũng chỉ còn 25,8m cũng không đúng với giấy chứng nhận QSD đất. Do vậy mà bà yêu cầu Toà án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi khởi kiện của bà D. Bà cho rằng thửa đất 77 của bà hiện nay vẫn đang thiếu so với giấy chứng nhận QSD đất và chiều rộng mặt tiền thửa đất 77 của bà cũng chỉ còn 25,8m cũng không đúng với giấy chứng nhận QSD đất.

Tại phiên toà, bà Lê Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Bị đơn bà Nguyễn Thị H cũng thống nhất với kết quả đo đạc do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Khu vực Đơn Dương lập ngày 08/5/2025 và kết quả thể hiện bổ sung ngày 15/8/2025. Tuy nhiên, bà chỉ chấp nhận không tranh chấp với nguyên đơn với điều kiện nguyên đơn phải giữ nguyên con mương như hiện trạng để thoát để hai bên cùng có lối thoát nước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương có quan điểm*: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là loại án tranh chấp QSD đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng; Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng; Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Khoản 9 Điều 26, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 166, 169, 190, 208, 221 Bộ luật Dân sự 2015. Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận quyền sử dụng diện tích đất 12m^2 thuộc thửa đất số 1/796 tờ bản đồ số 313A xã Quảng Lập, tỉnh Lâm Đồng là của bà Lê Thị D. Nguyên đơn nhận chịu chi phí tố tụng nên không đề cập đến. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Lê Thị D cho rằng phần con mương thoát nước rộng khoảng 12,5m dài 25m là ranh giới tự nhiên giữa thửa đất 796 và thửa đất số 77 là của bà vì trước đó bà H đã xây nhà kiên cố và chừa lại phần mương thoát nước. Do vậy mà khi bà tiến hành thuê thợ làm mương thoát nước sát tường rào nhà bà H thì bà H ngăn cản và cho rằng phần mương nước phía trước bà D gần tiếp giáp lộ giới bà D đã xây dựng hết đất còn phần phía sau là mương chung nên phát sinh tranh chấp. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án: *"Tranh chấp về quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn bà Lê Thị D với bị đơn là Nguyễn Thị H. Phần đất đang tranh chấp tọa lạc tại xã Quảng Lập nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3, khoản 9 Điều 26; Điều 34, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về nguồn gốc phần diện tích đất là con mương thoát nước các bên có tranh chấp:

Theo ý kiến của bà D và bà H thì thửa đất số 796 của bà D tiếp giáp với thửa đất số 77 của bà H. Giữa hai thửa đất có một con mương thoát nước tự phát hình thành từ trước năm 2003. Bà H cho rằng giữa vợ chồng bà và vợ chồng bà D có thỏa thuận mỗi bên chừa ra 0,5m theo chiều rộng mặt đường để làm con mương thoát nước chung này còn bà D thì cho rằng hai bên gia đình không hề có thỏa thuận chừa lại con mương thoát nước chung mà con mương này do nước chảy từ trên đồi xuống và bà cũng có xả nước thải theo con mương này ra mương thuộc đường nhựa ĐH12. Như vậy có thể thấy rằng ranh giới giữa đất bà D và đất bà H là không đổi từ trước năm 2003 cho đến nay và được ngăn cách bởi một phần đất thuộc con mương nhưng chưa xác định chính xác phần mương nước đó thuộc quyền sử dụng đất của ai.

Theo ý kiến của bà H thì trước đây giữa vợ chồng bà và vợ chồng bà D có thống nhất chừa lại mỗi bên 0,5m đất theo mặt tiền đường để làm mương thoát nước chung còn theo bà D thì con mương này được hình thành do nước chảy tự nhiên và việc xả nước thải của bà ra đường chính. Tuy nhiên cần phải thấy rằng cho dù có thỏa thuận giữa gia đình bà D và gia đình bà H để lại phần đất làm mương thoát nước hay con mương được hình thành tự nhiên thì từ năm 2003 cho đến nay các bên cũng chỉ áng chừng phần diện tích dùng để làm mương thoát nước chứ chưa bao giờ đo đạc để xác định chính xác phần đất của mỗi bên trong con mương này. Việc nước thải và nước mưa tự nhiên chảy qua mương thoát nước, ảnh hưởng của dòng chảy có thể gây ra sự biến động diện tích đất thuộc mương thoát nước có thể xê dịch qua lại giữa đất bà H hoặc đất của bà D theo thời gian là việc không tránh khỏi. Hai bên đương sự có tranh chấp cũng không có căn cứ gì xác định chính xác phần diện tích đất của mỗi bên thuộc con mương do vậy mà việc bà H cho rằng tại vị trí lộ giới thì bà vẫn còn 0,5m từ ranh đất bà đã xây dựng công trình thực tế ra giữa con mương và phía bà D chỉ còn lại 10cm cũng không có căn cứ để hội đồng xét xử xem xét đến.

[2.2] Xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho các bên và mãnh đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Khu vực Đơn Dương thấy rằng: Theo họa đồ lô đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 336516 của bà D và trích lục bản đồ lô đất trong giấy chứng nhận QSD đất số G676271 của bà Nguyễn Thị H thì giữa thửa đất số 77 và thửa 78 (trong đó có thửa 796 được tách ra từ thửa 78) tiếp giáp với nhau là một đường thẳng, không tồn tại con mương thoát nước như hiện trạng. Theo mãnh đo đạc hiện trạng thửa đất, tờ bản đồ số 313A thì ranh, số thửa theo bản đồ địa chính giữa thửa 796 và 77 là một đường thẳng giữa con mương theo hiện trạng trong đó phần đất thuộc mương thoát nước của thửa 796 là 12m^2 và phần đất thuộc mương thoát nước của thửa đất số 77 là 09m^2. Kết quả đo đạc này cũng hoàn toàn phù hợp với bản đồ địa chính và giấy chứng nhận QSD đất cấp cho bà H và bà D. Do các bên đương sự không cung cấp được căn cứ để xác định chính xác phần đất nào thuộc mương thoát nước là của mình có thể nhiều hơn hoặc ít hơn so với kết quả đo đạc để phủ nhận tính đúng đắn của giấy chứng nhận QSD đất được cấp cho bên còn lại và phủ nhận kết quả đo đạc. Do vậy mà Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào kết quả đo đạc do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Khu vực Đơn Dương lập ngày 15/8/2025 để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, giấy chứng nhận QSD đất được cấp cho bà D và bà H đồng thời xác định được phần đất thuộc mương thoát nước hiện trạng diện tích 21m^2 thì có 12m^2 thuộc thửa đất số 1/796 của bà D và có 09m^2 đất thuộc thửa 77 của bà H.

[2.3] Theo đơn khởi kiện thì bà D cho rằng toàn bộ phần mương thoát nước theo hiện trạng có diện tích khoảng 12,5m^2 là của bà. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án đo đạc diện tích đất đã xác định được phần đất thuộc mương thoát nước của bà D là 12m^2 thì bà thống nhất với kết quả đo đạc và yêu cầu Tòa án công

nhận cho bà diện tích đất 12m^2 này thuộc quyền sử dụng của bà và bà không có tranh chấp gì đối với diện tích đất 09m^2 thuộc mương thoát nước trong thửa đất 77 cấp cho bà H. Xét ý kiến này của bà D là phù hợp với kết quả đo đạc và giấy chứng nhận QSD đất được cấp cho bà và bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] xét ý kiến của bà H về việc giấy chứng nhận QSD đất được cấp cho bà thửa 77 là 2.788m^2 nhưng theo kết quả đo đạc thì chỉ còn 2.488m^2 và chiều rộng mặt tiền của bà chỉ còn lại 25,8m thì đất thực tế của bà vẫn bị thiếu đất so với giấy chứng nhận QSD đất được cấp thấy rằng: việc tranh chấp ranh giới đất giữa bà và bà D được xác định chính xác tại vị trí con mương làm ranh giới tự nhiên ngăn cách giữa 02 thửa đất của hai bên. Phần đất thuộc con mương đã được các bên xác định chính xác vị trí từ năm 2003 cho đến nay, không có sự biến động lớn còn việc phần đất thực tế của bà H có sự biến động giảm về diện tích thì có thể do nhiều nguyên nhân và tại nhiều vị trí khác của thửa đất chứ không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này nên hội đồng xét xử không xem xét đến.

Từ những nhận định trên có thể thấy rằng việc bà H ngăn cản bà D thực hiện quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 12m^2 thuộc thửa 1/796 (theo mãnh đo đạc hiện trạng thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực Đơn Dương lập ngày 15/8/2025 đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Do vậy mà bà D đề nghị công nhận QSD đất đối với diện tích đất 12m^2 thuộc thửa 1/796 tờ bản đồ số 313A là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ diện tích đất tranh chấp là 3.539.782đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn nhận chịu số tiền này nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 158, 163, 164 điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ 106, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2, khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, Điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 156, 157, 165, 166, 207, 211, 220, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị H.

Công nhận diện tích đất 12m^2 thuộc thửa đất số 1/796 tờ bản đồ số 313A xã Quảng Lập, tỉnh Lâm Đồng là của bà Lê Thị D (theo sơ đồ đo vẽ do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Khu vực Đơn Dương lập ngày 15/8/2025, sơ đồ này là một phần không thể tách rời của bản án).

Bà Lê Thị D có nghĩa vụ liên hện đến các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 12m^2 thuộc thửa đất số 1/796 tờ bản đồ số 313A xã Quảng Lập, tỉnh Lâm Đồng theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ. Bà Lê Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002724 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân KV2-Lâm Đồng;
- Phòng THA dân sự khu vực 2-Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Đình Anh Vũ